

Đơn vị: Trường Mầm non Hoa Đào
Chương: 622

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quận 12, ngày 06 tháng 01 năm 2024

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 4/2023

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

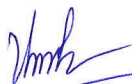
Trường Mầm non Hoa Đào công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý 4/2023 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 4/2023	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 4/2023 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	5.046.768.000	2.976.614.100	59%	149%
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Phí				
3	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	5.046.768.000	2.976.614.100	59%	149%
	Học phí	1.045.488.000	346.880.000	33%	0%
	Tổ chức PVBT	1.261.800.000	802.790.000	64%	160%
	Anh Văn Liên Kết	259.200.000	129.154.100	50%	154%
	10 môn thể dục thể thao	470.880.000	226.490.000	48%	133%
	Nhịp điệu	86.400.000	41.180.000	48%	141%
	Vẽ	86.400.000	36.380.000	42%	124%
	Cơ sở vật chất	1.382.400.000	673.600.000	49%	131%
	Thiết bị vật dụng BT	96.000.000	123.050.000	128%	1663%
	Giữ xe	151.200.000	76.600.000	51%	324%
	học phí hè	207.000.000	0	0%	0%
	Phục vụ ăn sáng	0	183.690.000	0%	0%
	Hoạt động ngoại khoá	0	336.800.000	0%	0%
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	4.954.646.400	2.333.412.748	47%	141%
I	Chi sự nghiệp giáo dục	4.954.646.400	2.333.412.748	47%	141%
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	4.954.646.400	2.333.412.748	47%	141%
	Học phí	1.045.488.000	0	0%	0%
	Tổ chức PVBT	1.236.564.000	734.693.961	59%	116%
	Anh Văn Liên Kết	254.016.000	70.565.508	28%	65%
	10 môn thể dục thể thao	461.462.400	266.413.366	58%	176%
	Nhịp điệu	84.672.000	40.585.760	48%	156%
	Vẽ	84.672.000	45.996.464	54%	177%
	Cơ sở vật chất	1.354.752.000	535.209.432	40%	138%
	Thiết bị vật dụng BT	94.080.000	97.605.524	104%	101%
	Giữ xe	136.080.000	70.151.165	52%	334%
	Học phí hè	202.860.000	59.126.568	29%	0%
	Phục vụ ăn sáng	0	165.321.000	0%	0%
	Hoạt động ngoại khoá	0	247.744.000	0%	0%
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 4/2023	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 4/2023 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	92.121.600	58.722.682	64%	0%
1	Lệ phí				
2	Phí				
3	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	92.121.600	58.722.682	64%	90%
	Tổ chức PVB	25.236.000	16.055.800	64%	98%
	Anh Văn Liên Kết	5.184.000	2.583.082	50%	90%
	10 môn thể dục thể thao	9.417.600	4.529.800	48%	82%
	Nhịp điệu	1.728.000	823.600	48%	87%
	Vẽ	1.728.000	727.600	42%	77%
	Cơ sở vật chất	27.648.000	13.472.000	49%	44%
	Thiết bị vật dụng BT	1.920.000	2.461.000	128%	55%
	Giữ xe	15.120.000	7.660.000	51%	199%
	Học phí hè	4.140.000	0	0%	0%
	Phục vụ ăn sáng	0	6.736.000	0%	0%
	Hoạt động ngoại khóa	0	3.673.800	0%	0%
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	8.580.916.388	1.876.959.580	22%	96%
I	Nguồn ngân sách trong nước	8.580.916.388	1.876.959.580	22%	96%
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	8.580.916.388	1.876.959.580	22%	96%
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	46.880.172	0	0%	0%
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	8.534.036.216	1.876.959.580	22%	239%
II	Nguồn vốn viện trợ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				

Kế toán



Nguyễn Thị Dung

Hiệu trưởng



Nguyễn Thị Thu Thủy